TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-10-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thì Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dân.

2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Kha M, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp B H T, xã TTH A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị M1, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp 1, xã TTH B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp B H T, xã TTH A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3.2. Bà Tô Thị Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp 1, xã TTH B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Ngô Kha M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị M1 cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTH B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước một năm. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình anh M. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2009 thì vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, khoảng 03, 04 tháng sau anh về nhà canh tác lúa, chị M1 ở lại Thành phố Hồ Chí Minh làm việc nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh cho rằng chị M1 có quan hệ tình cảm với người khác nên cự cãi nhau. Anh và chị M1 không còn sống chung từ năm 2009 cho đến nay. Cha mẹ hai bên có tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị M1 không đồng ý. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Khi khởi kiện yêu cầu ly hôn anh có cho chị M1 biết, chị M1 đồng ý ly hôn và nói sẽ sắp xếp thời gian về Tòa án để giải quyết ly hôn, nhưng sau đó vì bận đi làm nên chị M1 không đến Tòa án được. Nay tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị M1.

Về việc nuôi con: Anh M, chị M1 không có con chung, hiện tại chị M1 cũng không có mang thai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Tô Thị Đ trình bày: Bà là mẹ ruột của chị M1, mẹ vợ anh M. Bà không có mâu thuẫn gì với chị M1, anh M. Bà biết vợ chồng anh M đã không còn sống chung hơn 05 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là chị M1 bệnh khó có con, trị bệnh tốn tiền nhiều lần nên gia đình anh M1 không hài lòng, anh M cũng tốt, yêu thương chị M1 nhưng vợ chồng không có con nên không có sự liên kết, vợ chồng mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ năm 2014. Trong thời gian vợ chồng anh M, chị M1 ly thân, anh M có đến hàn gắn với chị M1, bà cũng có khuyên anh M, chị M1 đoàn tụ nhưng không được. Khi Tòa án gửi thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông D là cha chị M1 có nhận thay và giao lại cho chị M1, chị M1 đã nhận được và biết việc anh M1 yêu cầu ly hôn nhưng chị M1 không thể đến Tòa án giải quyết ly hôn vì bận đi làm, chị M1 có nói lại với bà là đồng ý ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Lê Thị P trình bày: Bà là mẹ ruột anh M, mẹ chồng chị M1. Bà không có mâu thuẫn gì với anh M, chị M1. Anh M, chị M1 cưới nhau khoảng 10 năm trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTH B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng anh M, chị M1 sống bên gia đình bà. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2014 - 2015 thì vợ chồng anh M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M1 làm nghề thợ may, hằng ngày chị M1 may quần áo còn bà nấu cơm, chị M1 không làm phụ công việc nhà. Bà có nói chị M1 phụ tiếp bà làm việc nhà nhưng chị M1 không đồng ý, sau đó anh M, chị M1 về nhà cha mẹ ruột chị M1 chơi nhưng chị M1 ở lại luôn, anh M về nhà một mình, kể từ đó vợ chồng anh M, chị M1 không còn

sống chung cho đến nay. Trong thời gian không còn sống chung, anh M thường xuyên đến gặp chị M1 năn nỉ chị M về nhà nhưng chị M1 kiên quyết không về. Bà có mời sui gia đến nhà để bàn chuyện hàn gắn tình cảm cho anh M, chị M1 nhưng cha ruột của chị M1 không đồng ý và nói tại vì chị M1 sống chung anh M không có con nên quyết định ly hôn với anh M. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Về việc nuôi con: Vợ chồng anh M, chị M1 chung sống không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung đều không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ngô Kha M với anh Phan Thị M1. Về việc nuôi con: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Chị Phan Thị M1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Người làm chứng bà Lê Thị P, bà Tô Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai với Tòa án. Việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của BLTTDS.

[4] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Kha M và chị Phan Thị M1 là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTH B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của anh Ngô Kha M là có căn cứ, vì: anh M, chị M1 đã ly thân nhiều năm nay, hai bên gia đình có tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M1 dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không thể hiện thiện chí muốn đoàn tụ. Bà Đ là mẹ chị M1, bà P là mẹ anh M đều trình bày vợ chồng anh M, chị M1 đã không còn sống chung nhiều năm, chị M1 có biết việc anh M yêu cầu ly hôn, chị M có nói với bà Đ là chị thống nhất ly hôn, nhưng do đi làm không đến Tòa án được. Trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc,

giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng hiện nay anh M, chị M1 đã không còn sống chung, không còn liên hệ gì với nhau cho thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M đối với chị M1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về việc nuôi con: Anh M, chị M1 sống chung, không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn anh Nguyễn Kha M chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000848 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Bị đơn chị Phan Thị M1 không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Kha M. Cho anh Ngô Kha M ly hôn với chị Phan Thị M1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Kha M chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000848 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08 tháng 10 năm 2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thì Trang